Công bố lần: 1
Ngày 28 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

-----oo0oo-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-----***-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Số: 01.2810/2026/NDHN/QĐ-CBNL
Vv: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí Nghiệm chuyên ngành xây dựng

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: **Sở xây dựng thành phố Hà Nội**

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

- Thực hiện Công văn số 5794/SXD-GĐCL ngày 20/3/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội về việc triển khai, phổ biến Quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Mã số doanh nghiệp: 0108595553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2019, thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng năm 2023, thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 1 năm 2025

- Địa chỉ: Xóm Cát Lễ, Thôn Năm Trại, Xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Đại diện pháp luật: **Cao Văn Toàn** Giám đốc
- Điện thoại: 0942 468 648 – 0984 049 115 Email: tuvanxaydungnamduong@gmail.com
- Mã số thuế: 0108595553 Website: www.xaydungkiemdinhndhn.com

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Xóm Cát Lễ, Thôn Năm Trại, Xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 0942 468 648 – 0984 049 115
- Email: tuvanxaydungnamduong@gmail.com
- Website: www.xaydungkiemdinhndhn.com
- Trưởng phòng thí nghiệm: **Trương Thành Quyết** – Kỹ sư kinh tế xây dựng.
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

Danh mục thiết bị thí nghiệm chính:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

Danh sách thí nghiệm viên thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

Quyết định này được công bố công khai tại Website: www.xaydungkiendinhndhn.com

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

-Website: www.xaydungkiemdinhndhn.com
- SXD Thành phố Hà Nội
- Lưu văn phòng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

M.S.D.N: 0108593553 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Toàn

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

(Kèm theo Quyết định số Số: 01.2810/2026/NDHN/QĐ-CBNL ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	**PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG, PHỤ GIA KHOÁNG, CHẤT KẾT DÍNH**	
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023 ASTM C430 ASTM C188 ASTM C204 AASHTO T153 ASHTO T192
2	Xác định cường độ uốn , nén theo phương pháp nhanh	TCVN 6016:2011 TCVN 7569:2022 TCVN 9488:2012 ASTM C109/109M
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187 ASTM C191 AASHTO T131 TCVN 9488:2012
4	Hàm lượng mất khi nung, cặn không tan,SO3	TCVN 6067:2018 TCVN 141:2023 TCVN 6820:2015
II	**BỘT BẢ**	
5	Độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
III	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
6	Thiết kế cấp phối vữa, bê tông	Chỉ dẫn thành phần cấp phối QĐ 778/1998/QĐ-BXD, BS EN8500 – (1&2), ACI 318:14, TCVN 4459:87, TCVN 10306:14, TCVN 5574:18, TCVN 9382:12, TCVN 13051:2020, TCVN 14586:2025
7	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông. Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3106:2022 TCVN 3105:2022 TCVN 3110:1993 ASTM C31/C31M-24 ASTM C143/C143M

		AASHTO T119 EN 12350-2
8	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993, ASTM C138/C138M AASHTO T121 EN 12350-6
9	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 ASTM C127
10	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7 BS 1881-Part 122
11	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022 ASTM C131
12	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138
13	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022 ASTM C403/403M ASTM C1585 EN 12390-8 TCVN 8219:2009 ASTM C1585 BS EN 12390-8
14	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M AASHTO T22M/T22 EN 12390-3
15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022; ASTM C293/ C293M
16	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022 ASTM C496/C496M AASHTO T198 TCVN 8862:2011
17	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông Xác định tỷ lệ hập thụ nước của bê tông xi măng	TCVN 9338:2012, ASTM C403/C403M AASHTO T197M/T197 ASTM C1585
18	Xác định cường độ kéo nhổ bê tông	TCVN 9490:2012, ASTM C900
19	Xác định độ pH trong bê tông và vữa	TCVN 9339:2012
IV	**THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DĂM**	
20	Thành phần cỡ hạt, hàm lượng hạt, Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút	TCVN 7572-02:2006, TCVN 6221:1997

	nước,của cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn và đá gốc Xác định độ ẩm Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ. Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ. Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc. Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn. Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn. Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles). Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn. Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic. Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ. Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa. Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh. Xác định hệ số (ES) Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 9205:2012 TCVN 7572-04:2006 TCVN 7572-05:2006 TCVN 7572-06:2006 TCVN 7572-07:2006 TCVN 7572-08:2006 TCVN 7572-09:2006 TCVN 7572-10:2006 TCVN 7572-11:2006 TCVN 7572-12:2006 TCVN 7572-13:2006 TCVN 7572-14:2006 TCVN 7572-15:2006 TCVN 7572-16:2006 TCVN 7572-17:2006 TCVN 7572-18:2006 TCVN 7572-20:2006 ASTM D2419 AASHTO T176 TCVN 10321:2014, TCVN 10322:2014
V	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP VỮA**	
21	Xác định, kích thước hạt cốt liệu lớn nhất. Xác định độ lưu động của vữa tươi. Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi. Xác định khả năng giữ độ lưu động. cường độ nén, chiều cao cột vữa, thay đổi chiều dài vữa đóng rắn. Xác định thời gian bắt đầu đông kết. Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn. Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn Xác định độ bám dính của vữa đóng rắn trên nền Vữa gốc Polyme: Cường độ kéo nén, bám dính, thơi gian đóng rắn, độ co dài, hấp thụ nước, bền hóa. Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-01:2022 TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437, C939 TCVN 3121-6:2022 TCVN 3121-8:2022 TCVN 3121-9:2022; ASTM C807 ASTM C403 ASTM C953 TCVN 3121-10:2022 TCVN 3121-11:2022, ASTM C109/C109M TCVN 3121-12:2022, TCVN 9349:2012 TCVN 9080:2012 TCVN 3121-18:2022 TCVN 3121-2022
22	Xác định độ co khô, độ nở hãm của vữa Vữa dùng cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt, độ lưu động, khả năng giữ nước lưu động, thời gian đông kết,cường độ nén, bám dính, hút nước	TCVN 8824:2011, TCVN 8874:2012, ASTM C940 TCVN 9028:2011
23	Vữa bê tông chịu a xít: Xác định cỡ hạt, thời gian công tác, độ bám dính vữa đóng rắn, độ hút nước, cường độ chịu nén, độ co, bền a xít	TCVN 9034:2011

24	Vữa khô trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước,	TCVN 9204:2012 ASTM C940 TCVN 11971:2018
25	Vữa keo chít mạnh và dán gạch: Độ bám dính, bền uốn, bền nén, mài mòn, thời gian mở, độ trượt, thấm nước hút nước, bền hóa, mài mòn	TCVN 7899:2008 BS EN 14891
VI	**PHÂN TÍCH NƯỚC CHO XÂY DỰNG**	
26	Xác định hàm lượng cặn không tan. Xác định độ PH. Xác định hàm lượng ion clorua (C1-). Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4^{--}). Xác định hàm lượng chất hữu cơ (Chỉ số Pemanganat)	TCVN 6625:2000, TCVN 4560:1988; TCVN 6492:2011, ASTM D1293. TCVN 6194:1996, TCVN 6200:1996 ASTM D516-2022 TCVN 6186:1996
VII	**THỬ NGHIỆM PHỤ GIA XÂY DỰNG**	
27	Phụ gia hoá học cho Bê tông: Xác định lượng nước trộn tối đa, thời gian đông kết, cường độ nén, cường độ uốn, so với mẫu đối chứng, độ co ngót cứng, Độ PH, Hàm lượng chất khô, khối lượng riêng. Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: Xác định độ ẩm, lượng nước trộn yêu cầu Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông: xác định độ ẩm Độ ẩm; Lượng sót sàng 45mm; Lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng; Hàm lượng mất khi nung.	TCVN 8826:2011 TCVN 8827:2011 TCVN 8262:2009, TCVN 10302:2014
28	Phụ gia khoáng cho xi măng: Xác định chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2016
VIII	**KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI**	
29	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:2018,
30	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 6735:2018, TCVN 1548:87,
31	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617-2: 2018
32	Thử kéo Thử kéo dây kim loại Kiểm tra khuyết tật bu lông, vít, vít cấy, đai ốc: Thử kéo bu lông, Lực xiết Thí nghiệm cơ lý inox, tôn: thử kéo, uốn Ống kim loại: Thử kéo	TCVN 197-1:2014, TCVN 7937:2013, TCVN 13711-2:2023, ASTM A1061/1061MASTM A370 JIS Z2241 TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010 TCVN 5401:2010 TCVN 1824:1993 TCVN 1916:1995 TCVN 197:2014 TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989

		TCVN8298:2009 ASTM F606 TCVN 197-1:2014 ASTM A53 ASTM E8 TCVN 198:2008
33	Thử uốn, uốn lại	TCVN 198:2008, ASTM A370 TCVN 6287:1997 TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010, TCVN 5401:2010,
34	Thử kéo ngang để phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010, TCVN 5401:2010,
35	Thử độ cứng kim loại	TCVN 256:2006, TCVN 257:2007, TCVN 258:2007, ASTM E384 ASTM E18
36	Xác định chiều dày, khối lượng lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5408:2007, TCVN 5878:2007,
37	Khe co dãn cao su : Xác định kích thước, chiều dày, thử kéo, độ cứng shore A	ASTM D 3542, ASTM D 412 ASTM D 2240
38	Thí nghiệm cơ ly nhôm: thử kéo, uốn	TCVN 197-1:2014, TCVN 198:2008 TCVN 12513:2014,
39	Ống kim loại: Thử nén bẹp, thử uốn nguyên ống	TCVN 1830:2008, ASTM D1621, ASTM A53, ASTM A370
40	Ống kim loại: Thử áp lực ống	TCVN 2942:1993 TCVN 7972:2008 TCVN 1832:2008
41	Thang máng cáp: Kiểm tra kích thước hình học và thử tải	TCVN10688:2015
42	Nắp hố ga, song chắn rác: Kích thước hình học, Thử tải	TCVN 10333:2014, BS EN 124
IX	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐẮP, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT**	
43	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100 TCVN 7572:2026
44	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216

		AASHTO T265
45	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90
46	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88
47	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, Đầm nén Proctor	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020; AASHTO T99 AASHTO T180
48	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263
49	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T193
50	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434
51	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-2016
52	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm Cọc xi măng đất: xác định sức kháng nén mẫu cọc xi măng đất	TCVN 10324:2014 TCVN 9403:2012 ASTM D2166
53	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012 AASHTO T267 ASTM D2974
54	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời. Xác định đặc trưng co ngót của đất. Xác định đương lượng cát. Xác định đặc trưng trương nở của đất, tan rã. Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
X	**BÊ TÔNG NHỰA**	
55	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927 AASHTO T245
56	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164 ASTM D2172
57	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27 ASTM C136/C136M
58	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASTHO T209

59	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tich của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726 AASTHO T166 AASTHO T176
60	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa Xác định độ góc cạnh của cát Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa. Xác định đô rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa. Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa. Xác định sức kháng trượt (xác định bằng con lắc Anh)	TCVN 8860-6:2011; ASTM 6390 AASTHO T305 TCVN 8860-7:2011 TCVN 8860-8:2011 TCVN 8860-9:2011; TCVN 8860-10:2011 TCVN 8860-11:2011 TCVN 8860-12:2011 TCVN 10271:2014
61	Xác định khả năng mẫu kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914:2020
XV	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
62	Xác định độ chặt tai hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020, ASTM D2937
63	Xác định độ chặt tai hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8730:2012; AASHTOT191
64	Xác định modul đàn hồi nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
65	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4729
66	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012; ASTM D4395
67	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011;
68	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011;
69	Phương pháp không phá hủy sử dụng máy siêu âm kiển tra chất lượng bê tông và súng bật nẩy kiểm tra cường độ bê tông Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 13537:2022 TCVN 9334: 2012 TCVN 8728:2012
70	Cột điện BTCT ly tâm: Xác định kích thước, ngoại quan, khả năng chị tải. Cọc bê tông dự ứng lực trước: Xác định kích thước, ngoại quan, độ bền thật, mối nối, độ bền cắt.	TCVN 5847:2016 TCVN 7888:2014
71	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012 TCVN 9358:2012
72	Xác định cường độ kéo nhổ bê tông, bulong, thép khoan cấy, kéo cụm liên kết Xác định độ bám dính nền lớp mặt phủ kết cấu	TCVN 9490:2012 ASTM E1512, ASTM D4435 TCVN 9349:2012 TCVN 9491:2012
73	Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
74	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công	TCVN 9344 : 2012

	trình bằng pp thí nghiệm chất tải tĩnh	
75	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp biến động nhỏ (PIT) Kiểm tra khuyết tật cọc bằng pp biến động lớn (PDA)	TCVN 9356:2012 TCVN 9397:2012, ASTM D5882 TCVN 11321:2016, ASTM D4945
76	Xác định kích thước, ngoại quan, cường độ bê tông Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu	TCVN 5847:2016 TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006 ASTM C42/ C42M
77	Thí nghiệm tải trọng cọc, nén tĩnh cọc, tải trọng tĩnh ép dọc trục, đẩy ngang, kéo nhổ Xác định độ đồng nhất bê tông bằng phương pháp siêu âm Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 9393:2012, ASTM D3689 ASTM D1143 TCVN 9396:2012 TCVN 13536:2022
78	Thử nghiệm gối, đế cống, sản phẩm bó vỉa bê tông đúng sẵn: Xác định kích thước, ngoại quan, khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015 TCVN 10797:2015
79	Thử nghiệm ống cống, cống hộp, cấu kiện bê tông cốt thép: Kiểm tra kích thước, độ vồng, khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu lực, chịu tải, chống thấm.	TCVN 9113:2012 TCVN 9116:2012
XVI	**GẠCH XÂY**	
80	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây Cường độ nén, uốn của gạch xây Độ hút nước , khối lượng thể tích của gạch xây Xác định độ rỗng của gạch xây Gạch chịu nhiệt: Kích thước, độ bền nén, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ xốp, độ hút nước	TCVN 6355-1:2009 TCVN 6355-2-3:2009 TCVN 6355-4-5:2009 TCVN 6355-6:2009 TCVN 6530:2016 TCVN 6355-7:2009 TCVN 6355-8:2009
XVII	**GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN, BÊ TÔNG NHẸ**	
81	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ rỗng. Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn. Sản phẩm bê tông nhẹ: Xác định kích thước, ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích, độ ẩm Gạch xi măng: Xác định kích thước, ngoại quan, độ hút nước, mài mòn, uốn, chịu lực va đập Gạch Granito: Xác định kích thước, ngoại quan, độ mài mòn, độ cứng Gạch Terazo: Xác định kích thước, khuyết tật, uốn, hút nước, mài mòn	TCVN 6477:2016 TCVN 6476:1999 TCVN 7959:2017 TCVN 9030:2017 TCVN 6065:1995, TCVN 6074:1995 TCVN 7744:2013
XVIII	**GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT**	
82	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, khuyết tật ngoại quan Xác định độ hút nước,độ bền uốn, độ hút nước bề mặt gạch,	TCVN 6415-2:2016 TCVN 6415-3-4:2016 TCVN 6415-6:2016

	khối lượng riêng, khối lượng thể tích. Xác định độ bền mài mòn sâu Xác định độ bền mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7:2016
83	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, uốn, độ hút nước, độ mài mòn bề mặt, khối lượng thể tích Đá ốp lát nhân tạo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan và chất lượng bề mặt, uốn, độ hút nước, độ mài mòn sâu, độ cứng bề mặt, độ bền chống bám bẩn	TCVN 4732:2016 TCVN 8057:2009
XIX	**NGÓI**	
84	Xác định tải trọng uốn gãy ngói, Xác định độ hút nước, Xác định thời gian xuyên nước, Xác định khối lượng 1m2 bão hòa nước Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan của ngói	TCVN 4313:2023 TCVN 1452: 2023 TCVN 7195:2002
XX	**THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP TÍN HIỆU**	
85	Kết cấu ruột dẫn, đường kính ruột dẫn, sợi số, chiều dày vỏ bọc, chiều dày cách điện, điện trở cách điện, điện trở ruột dẫn, điện trở khối trở kháng, suy hao, độ bền điện áp, thử kéo	TCVN 6610-2:2007 TCVN 6614-1-1:2008 TCVN5935:20:2013 TCVN 6612:2007 TCVN 6610-2:2007
XXI	**THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH KHOAN (BENTONITE VÀ DUNG DỊCH BENTONITE POLYME)**	
86	Dung dịch Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định, lực cắt tĩnh Dung dịch Bentonite Polyme: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, tỷ lệ chất keo, lượng tách nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020
XXII	**GỖ, VÁN, THANH TẤM NHỰA, TẤM COMPOSITE, COMPACT, ALUMIUM**	
87	**Gỗ tự nhiên:** Xác định độ ẩm gỗ tự nhiên Xác định khối lượng riêng Xác định độ bền uốn tĩnh Xác định độ bền nén, kéo vuông góc với thớ Xác định độ bền kéo, cắt song song với thớ	 TCVN 13707-1:2023 TCVN 13707-2:2023 TCVN 13707-3:2023 TCVN 13707-5-7:2023 TCVN 13707-6-8:2023
	Gỗ nhân tạo	
88	Xác định kích thước tấm	TCVN11904:2017
89	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017
90	Xác định Khối lượng riêng	TCVN 5694: 2014
91	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018
92	Xác định độ bền uốn Xác định độ bền uốn sau khi ngâm trong nước ở nhiệt độ sôi	TCVN 12446:2018 TCVN 12444:2018
	Ván lát sàn :	
93	Xác định độ bền va đập Xác định độ trương nở	TCVN 11949:2018 TCVN 11950:2018

	Xác định độ bền bề mặt Xác định lực bám giữ đinh vít Xác định độ mài mòn ván lát sàn Xác định độ bền mối ghép nối	TCVN 11906:2017 TCVN 11907:2017 TCVN 11947:2018 TCVN 11952:2018
94	Thử độ bền trượt mạch keo	TCVN 8576:2010
95	Thử tách mạch keo	TCVN 8577:2010
XXIII	**THỬ NGHIỆM SƠN, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM**	
96	Màu sắc Xác định độ mịn Xác định độ nhớt Xác định độ chảy Xác định độ phủ Xác định chiều dày màng sơn Xác định độ dày màng sơn khô Xác định thời gian khô Xác định độ bám dính màng sơn Xác định độ bền va đập, độ cứng Xác định độ bền uốn Xác định độ bóng Xác định hàm lượng bay hơi Xác định khả năng chịu muối màng sơn Xác định độ bền nước Xác định độ bền kiềm Xác định độ rửa trôi Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 2102:2020, TCVN 2091 : 2015 TCVN 2092:2013, TCVN 9879: 2013 TCVN 2095:1993 TCVN 9406:2012 TCVN 9760 : 2013 TCVN 2096-1:2015 TCVN 2097:2015, ASTM D4541 TCVN 2098:2007 TCVN 2100:2013 ASTM D3363 ASTM D2134 TCVN 2099:2013 TCVN 10370-2:2014 TCVN 8792:2011, ASTM B117 TCVN 8653-1:2024 TCVN 8653-2 : 2024, ASTM D 870 TCVN 8653-3: 2024, TCVN 9014: 2011 TCVN 8653-4: 2024 TCVN 8653-5:2024
	Sơn vạch kẻ đường	
97	Sơn tín hiệu giao thông hệ nước và dung môi: Độ mịn, ổn định, độ bền rửa trôi, chống loang màu, độ bền va đập, khả năng chịu dầu, muối, nước, kiềm. Xác định độ ổn định, độ chống loang màu, độ bền muối	TCVN 8787:2011 TCVN 8786:2011 TCVN 8791:2011
98	Sơn bảo vệ kết cấu thép: Đánh giá độ bám dính của lớp phủ Xác định độ phồng rộp, độ gỉ, độ rạn nứt, độ bong tróc, Sơn epoxy: Độ ổn định trong thùng, tính đồng nhất, thời gian khả năng chịu xăng, khả năng chịu nước muối	TCVN 12816:2019 TCVN 12005-2017 TCVN 9014:2011,
99	Vật liệu chống thấm nước dạng lỏng: Cường độ bám dính ; Độ chống thấm nước, Khả năng tạo cầu vết nứt Vật liệu chống thấm – sơn BITUM cao su : Xác định độ bám dính của màng sơn trên nền bê tông; xác định độ chịu nhiệt; xác định độ xuyên nước; xác định độ bền lâu;	TCVN 12692:2020, ASTM D7234, ASTM D412 TCVN 6557:2000

	Tấm trải chống thấm :	
100	Xác định tải trọng kéo và độ dãn dài Xác định độ bền chọc thủng Xác định độ bền nhiệt Xác định độ thấm nước	TCVN 9067-1:2012 TCVN 9067-2:2012 TCVN 9067-3:2012 TCVN 9067-4:2012
	Băng cản nước, cao su lưa hóa (PVC)	
101	Xác định độ cứng Xác định khối lượng riêng Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt Xác định độ bền hóa chất	TCVN1595:2013 ASTM D2240 TCVN4866:2013 TCVN4509:2020 TCVN 9407:2014 ASTM D412 TCVN 9409-1:2014 TCVN 9409-2:2014 TCVN 9409-3:2014 TCVN 9409-4:2014 TCVN 9409-5:2014 TCVN 2752:2017, ASTM D71, ASTM D471
XXIV	**VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, LƯỚI ĐỊA, MÀNG HDPE, BẤC THẤM**	
102	Xác định độ dày tiêu chuẩn Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích Xác định cường độ chịu kéo, kéo mối nối, lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật Xác định lực xé rách hình thang Xác định lực xuyên thủng CBR Xác định sức bền kháng thủng rơi côn, lực kháng xuyên thủng thanh Xác định áp lực kháng bục Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8220:2009 ASTM D5199 TCVN 8221:2009, ASTM D 5261 ASTM D3776 ASTM D5261 ASTM D 5993 TCVN 8485:2010, ASTM D 4595 TCVN 9138:2012; ASTM D4884 TCVN 8871-1:2011, ASTM D4632 TCVN 8871-2:2011, ASTM D 4533 ASTM DI004 ASTM D751 TCVN 8871-3:2011; ASTM D 6241 -2022; TCVN 8484:2010, TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833 ASTM D5635 TCVN 8871-5 : 2011; ASTM D3786/D3786M

		TCVN 8871-6 : 2011, TCVN 8486: 2010 ASTM D4751 TCVN 8487:2010, ASTM D 4491 BS 6906, ASTM D 4716 TCVN 8482:2010, ASTM D3895 ASTM D5885
103	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	ASTM D2256 ASTM D6392-12
104	Xác định khối lượng riêng của lõi	ASTM D1505
105	Xác định cường độ kéo của lưới địa kỹ thuật	ASTM D6637/D6637M
106	Màng địa kỹ thuật polyetylen HDPE: Xác định độ dày của sần, xác định chiều cao sần, tính chịu kéo, độ bền chọc thủng, độ bền lão hóa nhiệt	TCVN 9749:2014 TCVN 9750:2014 TCVN 9751:2014 TCVN 9752:2014 TCVN 9753:2014 TCVN 9756:2014
XXV	**THỬ NGHIỆM KÍNH, GƯƠNG, KHUNG CỬA, VÁCH KÍNH, THANH PROFILE**	
107	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan Thí nghiệm kính hộp: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan Thử độ bền va đập bi rơi, va đập con lắc, thử phá mẫu Cửa sổ, cửa đi: Xác định kích thước ngoại quan, độ bền góc hàn thanh profile	TCVN 7219:2018 TCVN 7527:2005 TCVN 7528:2005 TCVN 7529:2005 TCVN 7364-6:2018 TCVN 8260:2009 TCVN 7364-4:2018 TCVN 7368:2013 TCVN 7452:2021 TCVN 7451:2004
XXVI	**THỬ NGHIỆM KHUNG XƯƠNG, TẤM THẠCH CAO, TẤM XI MĂNG SỢI**	
108	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, thử tải khung trần Xác định kích thước,độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi Xác định cường độ chịu uốn Xác định độ kháng nhổ Xác định độ biến dạng ẩm Xác định độ hút nước Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 12694:2020; ASTM E3090/E3090M TCVN 8257-1:2023, ASTM C473 TCVN 8257-2:2023, ASTM C473 TCVN 8257-3:2023, ASTM C473 TCVN 8257-4:2023, ASTM C473 TCVN 8257-5:2023,ASTM C473 TCVN 8257-6:2023;

		ASTM C473 TCVN 8257-7:2023, ASTM C473
	Tấm xi măng sợi	
109	Xác định kích thước,độ thẳng cạnh và độ vuông góc - tấm xi măng sợi Xác định khối lượng thể tích biểu kiến Xác định độ co giãn ẩm Xác định cường độ chịu uốn - tấm xi măng sợi Xác định độ bền nước nóng Xác định chu kỳ nóng lạnh - Tấm xi măng sợi	TCVN 8259-1:2009 TCVN 8259-3:2009 TCVN 8259-4:2009 TCVN 8259-2:2009 TCVN 8259-7:2009 TCVN 8259-5:2009
XXVII	**THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA, TẤM NHỰA MICA**	
110	Kiểm tra kích thước, độ dầy, đường kính, độ ovan	TCVN 6145:2007 TCVN6150-1:2020 TCVN6148:2007
111	Xác định độ bền kéo và dãn dài Xác định độ bền va đập bên ngoài Xác định độ cứng vòng Xác định độ bền với áp suất bên trong - Phương pháp thử chung Thử nghiệm độ tách lợp, độ phồng rộp của ống nhiệt dẻo – Phương pháp tủ sấy	TTCVN 7434:2020 TCVN 6144:2003 TCVN 8850:2011 TCVN 6149-1:2007 TCVN 12306:2018
XXVIII	**THỬ NGHIỆM TẤM TƯỜNG**	
112	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ bền treo vật nặng, độ bền va đập	TCVN 11524:2016
113	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép : Kiểm tra Xác định kích thước và sai lệch kích thước, Kiểm tra chỉ tiêu ngoại quan và khuyết tật, Kiểm tra khối lượng thể tích, Kiểm tra cường độ chịu nén, Kiểm tra độ ẩm, độ co khô, chiều dày bảo vệ cốt thép, khả năng chịu uốn, khả năng treo vật nặng, khả năng chịu va đập	TCVN 12868:2020

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.